TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thức

2. Ông Trần Văn Chu

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M (Khía), sinh năm 1994 (có mặt).
  Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Anh Phùng Thanh L, sinh năm 1994 (vắng mặt).
  Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, biên bản hòa giải ngày 12/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị M trình bày:

Chị và anh Phùng Thanh L cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (huyện B – tỉnh Bến Tre) ngày 03/8/2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L không lo cho vợ con và cũng không tôn trọng cha mẹ chị. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị và anh L cũng đã ngồi lại giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không kết quả nên vợ chồng chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn

gắn. Hiện nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Thanh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh L có 01 con chung tên là Phùng Thị Tuyết N, sinh ngày 26/12/2018 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh L có 11 chỉ vàng 24k được cha mẹ hai bên cho lúc cưới nhau trị giá 38.500.000đ (ba mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Lúc nộp đơn khởi kiện, chị yêu cầu chia đôi số tài sản này nhưng hiện nay chị xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để sau này chị và anh L tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019, biên bản hòa giải ngày 12/7/2019, anh Phùng Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Huỳnh Thị M về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân của vợ chồng anh, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh là do mẹ ruột của chị M đánh anh tại bệnh viện huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng anh vẫn còn thương chị M nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý là anh và chị M có 01 con chung tên Phùng Thị Tuyết N, sinh ngày 26/12/2018 hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh yêu cầu nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh L. Về con chung: Đề nghị để cháu Phùng Thị Tuyết N, sinh ngày 26/12/2018 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: chị M có yêu cầu rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Về nợ chung: không có.

Từ các lời trình bày trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, đề nghị của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phùng Thanh L đã được Tòa án tống đạt triệu tập tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án đưa ra xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị M và anh Phùng Thanh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh L sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân gần 01 năm nay. Khi sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh L và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh Phùng Thanh L cho rằng còn thương chị M nhưng không tới lui để xin hàn gắn tình cảm. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chi M và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Phùng Thị Tuyết N, sinh ngày 26/12/2018 hiện đang sống với chị M; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị M và anh L sống ly thân thì cháu N vẫn do chị M nuôi dưỡng và hiện nay cháu N vẫn còn nhỏ, dưới 12 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/5/2019, chị M xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 11 chỉ vàng 24k (trị giá 38.500.000đ) và tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là 11 chỉ vàng 24k. Việc rút yêu cầu của chị M là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị M.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị M đối với anh Phùng Thanh L.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Thị Tuyết N, sinh ngày 26/12/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phùng Thanh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được

quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 11 chỉ vàng 24k của chị Huỳnh Thị M.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị M phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 781.000đ (bảy trăm tám mươi mốt ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0001974, 0001975 vào ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị M còn được nhận lại số tiền 481.000đ (bốn trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Thị M biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Phùng Thanh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Vũ